TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2023
Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đinh Công Luận**

Ông **Nguyễn Ngọc Quyền**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 331/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Th C T** – sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Sơn Tr Qu** – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T và anh Qu vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T xác định chị và anh Sơn Tr Qu cưới nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được

Ủy ban nhân dân xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung của chị T và anh Qu không hạnh phúc, nên vào tháng 4 năm 2019 chị mang theo con là cháu Sơn Trần Kh V, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2018 rời khỏi nhà cha, mẹ chồng và về nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống cho đến nay. Còn anh Qu thì sống tại nhà cha, mẹ ruột của anh Qu. Từ ngày ly thân đến nay không ai tới lui thăm nom nhau, không liên lạc với nhau. Nay chị T không còn tình cảm với anh Qu, nên yêu cầu ly hôn anh Qu.

- Về con chung: Chị T và anh Qu có 01 con chung là cháu Sơn Trần Kh V, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2018, cháu V đang sống chung chị T. Chị T xác định kể từ tháng 4/2019 khi chị và anh Qu ly thân thì chị và cháu V sống chung tại nhà cha mẹ ruột chị, cháu V phát triển tốt và có cuộc sống ổn định với chị T, nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V; Đồng thời, xác định chị T đủ điều kiện nuôi con, nên không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị T xác định chị và anh Qu không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn:* Anh Qu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do; Anh Qu không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T, cũng không có đơn đề nghị vắng mặt nộp cho Tòa án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị C T ly hôn anh Sơn Tr Qu.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Sơn Trần Kh V, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2018 cho chị T nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Chị T phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị T yêu cầu ly hôn anh Qu, nơi cư trú của anh Qu tại huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Qu đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Qu là phù hợp quy định Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T xác định chị và anh Qu tự nguyện sống chung từ năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 4 năm 2019, hiện tại chị T không còn tình cảm với anh Q, nên yêu cầu ly hôn anh Q.

Về phía anh Q, kể từ khi thụ lý vụ án này Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và có văn bản triệu tập hợp lệ, anh Q đã biết được yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị T. Điều này chứng tỏ anh Q đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh và chị T, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T.

Từ các mâu thuẫn mà chị T trình bày, đến việc chị T xác định không còn tình cảm với anh Q; Còn anh Qu thì không đến theo triệu tập của Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án. Đồng thời, trong thời gian dài chị Tiên và anh Qu không sống chung, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Từ đó, đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị T và anh Qu đang lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Quí, chị T được ly hôn với anh Qu.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh Quícó 01 con chung là cháu Sơn Trần Kh V, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2018, cháu V sống chung với chị T và đã có cuộc sống đã ổn định, nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu V đã có cuộc sống ổn định với chị T; Còn anh Qu thì đã biết được việc chị T yêu cầu nuôi con chung, nhưng anh Q không có ý kiến gì về con chung, cũng không tranh chấp nuôi con với chị T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của các cháu V được ổn định, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi khi ly hôn; Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T xác định chị và anh Qu không có tài sản cũng không có nợ; Anh Qu cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Thị C T chịu án phí là 300.000đ.

- Anh Sơn Tr Qu không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C T đối với anh Sơn Tr Qu.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị C Tn được ly hôn anh Sơn Tr Qu.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung là cháu Sơn Trần Kh V, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2018 cho chị T trực tiếp nuôi; Anh Qu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Thị C T phải chịu án phí là 300.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0005445 ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí 300.000đ.

- Anh Sơn Tr Qu không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản

án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Thị Đang